**Use Case “Xem thông tin xe đạp”**

1. **Mã use case**

UC006

1. **Mô tả ngắn**

Use case này mô tả các tương tác giữa người dùng và phần mềm EBR khi người dùng muốn xem thông tin chi tiết của chiếc xe đạp đã chọn.

1. **Các tác nhân**
   1. **Khách hàng**
2. **Tiền điều kiện**

Không

1. **Luồng sự kiện cơ bản**

Step 1. Khách hàng nhấn nút “Thuê xe đạp” từ danh sách xe đạp

Step 2. Hệ thống kiểm tra thông tin của xe đạp được chọn

Step 3. Hệ thống trả về thông tin xe đạp được chọn

1. **Luồng sự kiện thay thế**

*Table 1 – Luồng sự kiện thay thế cho UC “Xem thông tin xe đạp”*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Vị trí | Điều kiện | Hành động | Vị trí tiếp tục |
| 1 | Tại bước 2 | Xe đạp được chọn là xe đạp điện | Hệ thống trả về phần trăm pin của động cơ điện và tính toán thời gian còn lại | Tiếp tục tại bước 3 |

1. **Dữ liệu đầu vào**

Không

1. **Dữ liệu đầu ra**

*Table 2 - Dữ liệu đầu ra là thông tin chi tiết của chế độ xem xe đạp*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Trường dữ liệu | Mô tả | Định dạng hiển thị | Ví dụ |
| 1. | Mã số | Mã số của xe được chọn |  | 784318 |
| 2. | Vị trí | Vị trí bãi để xe hiện tại |  | Bãi xe 1 |
| 3. | Pin | Phần trăm pin của động cơ | * Số dương với biểu tượng phần trăm * Căn trái | 60.0% |
| 4. | Thời gian còn lại | Thời gian xe còn có thể hoạt động cho đến khi hết pin | Phút | Còn 180 phút |
| 5. | Tiền cọc | Số tiền đặt trước để có thể thuê xe | * Số nguyên dương với đơn vị VND ở cuối * Căn trái | 550.000 VND |
| 6. | Phí | Số tiền chi trả để thue xe | * Số nguyên dương với đơn vị VND ở cuối * Căn trái | 700.000 VND |

1. **Hậu điều kiện**

Không